

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT
Ngày: 04/7/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Văn Túc

Ông Nguyễn Quang Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoài Thương - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình:* Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLPT – DS ngày ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐ – PT ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Hà Công N, sinh năm 1980

Địa chỉ: xã B, huyện M , tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1949

Địa chủ: xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn:

Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1973

Địa chỉ: phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Đỗ Thái H

Địa chỉ: Phường T - Quận C - Hà Nội. Có mặt.

5. Người kháng cáo: bị đơn ông Trịnh Thanh H .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2021, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2021, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Hà Công N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bùi Xuân T thống nhất trình bày:

Do có sự quen biết nhau, nên ngày 16/12/2014, ông Trịnh Thanh H và ông Hà Công N ký kết hợp đồng dịch vụ thuê quyền sử dụng đất trồng rừng. Cụ thể ông N thực hiện công tác tuyên truyền, bồi thường giải phóng mặt bằng, tiến hành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ông H được sử dụng đất trồng rừng theo quyết định số:1057/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện M với thời hạn là 50 năm tại đồi X, xã M , giá trị của hợp đồng là 12.000.000.000 đồng. Ngày 24/01/2018, ông H và ông N ký kết hợp đồng ủy quyền, có thời hạn là 05 năm. Quá trình thực hiện công việc ủy quyền, ông N đã trực tiếp trồng mới được 270 Ha rừng keo và làm mới được 21 Km đường để ô tô lên được khu vực đồi X. Ông Trịnh Thanh H đã đưa cho ông N số tiền là 2.093.000.000 đồng và 06 tấn gạo, số tiền còn thiếu ông Hà Công N phải đi vay ngân hàng và vay bên ngoài để thực hiện đúng tiến độ dự án mà ông H đã ký kết với UBND huyện M. Do ông H không có tiền để trả ông N , ngày 05/7/2019 ông H và ông N viết giấy cam kết thỏa thuận đến ngày 20/7/2019 ông H sẽ đưa số tiền còn thiếu để ông N trả tiền đã ứng ra và chi trả tiền công cho người lao động. Căn cứ vào giấy cam kết ngày 05/7/2019, ông N và ông H tiếp tục ký hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020 với nội dung “ Ông N thực hiện theo quyết định số 1057 ngày 23/5/2016 của UBND huyện M đối với phần diện tích 200 Ha; Liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích nêu trên, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tiến hành làm thủ tục đó; kê khai và nộp thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích theo giấy ủy quyền”. Thời hạn thực hiện công việc ủy quyền theo thời hạn được qui định trong giấy chứng nhận QSDĐ và quyết định số 1057 ngày 23/5/2016 của UBND huyện M .

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020, để thực hiện tốt công việc trồng rừng ông N đã ưu tiên xây dựng 03 khu nhà tạm để cho người trồng rừng ở và làm vườn ươm cây giống. Trước khi xây dựng ông N đã

có văn bản báo cáo UBND xã M và các cơ quan chức năng. Khi đang thi công thì ông N nhận được thông báo số 05 ngày 15/01/2021 của UBND xã M về việc tạm dừng xây dựng công trình trên đất dự án trồng rừng. Ông H còn thuê người lập chốt không cho ai vào khu vực đồi X, khi anh em của ông N phản đối thì ông H chỉ đạo đánh đập, đồng thời ông H tự ý đập phá công trình mà ông N đã xây dựng. Khi ông N đến UBND xã M thì mới được biết ông H đã gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020, ông N xin toàn bộ các giấy tờ trên từ UBND xã M. Xét thấy hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền của ông H là không có căn cứ, bởi lẽ số tiền mà ông N đã bỏ ra là rất lớn để trồng rừng, làm đường và thực hiện hợp đồng dịch vụ xác lập ngày 16/12/2014. Vì vậy nếu ông H muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì ông H phải trả toàn bộ số tiền mà ông N đã bỏ ra để thực hiện dự án. Để bảo vệ quyền lợi chính đáng của ông N và bảo vệ kết quả trồng rừng, căn cứ vào khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Thanh H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020 để ông Hà Công N thực hiện việc trồng, chăm sóc và bảo vệ diện tích rừng đã trồng cho đến khi được thu hoạch, thu hồi vốn mà ông N đã bỏ ra.

Tại Bản tự khai ngày 11/10/2021 và ngày 15/11/2021, bị đơn Trịnh Thanh H trình bày:

Ngày 19/5/2020, ông N và ông H cùng nhau đến UBND xã M ký kết hợp đồng ủy quyền với nội dung: Ông N tiếp tục thực hiện theo quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện M đối với diện tích 200 ha. Liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất, giải quyết các vấn đề phát sinh trong các thủ tục đó. Kê khai và nộp thuế các khoản thuế phí, lệ phí liên quan đến việc cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích theo ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền không xác định thời hạn và không có thù lao. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền ông H chưa cấm mốc, xác định ranh giới đối với phần diện tích 200 Ha, ông N đã vi phạm nghĩa vụ của bên được ủy quyền. Cụ thể: tự ý xây dựng một số công trình như Cổng vào kiên cố (cao 3,5m) và 02 cổng phụ, bên trong xây 03 khu nhà với tổng diện tích khoảng gần 1.500 m² và hệ thống tường bao quanh khu đất khoảng 3.000 m², tường cao (2,5m), tự ý lập khu thờ tự tâm linh tại đồi X, xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình vi phạm vào khoản 1 Điều 565 Bộ luật dân sự. Ngày 11/3/2021, UBND xã M đã ra thông báo số: 05/TB-

UBND về việc tạm dừng xây dựng công trình. Từ thực tế trên, ông H đã có thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020 gửi cho UBND xã M, UBND huyện M và ông N. Căn cứ vào khoản 1 và 2 Điều 569 Bộ luật dân sự, ông H đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng ủy quyền đối với diện tích 200 Ha rừng giữa ông và ông N, yêu cầu ông N ngừng các hoạt động và ra khỏi khu đất của ông H trên tổng diện tích 7.187.100 m²(718,71 ha) tại đồi X , xã M, huyện M, tỉnh Hòa Bình.

Tại Bản án số 01/2022/DS - ST ngày 24/3/2022, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g, khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 117; Điều 562; Điều 565; Điều 566; Điều 567; Điều 569 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Công N .

- Buộc ông Trịnh Thanh H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền xác lập ngày 19/5/2020 với ông Hà Công N .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/4/2022, bị đơn ông Trịnh Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 09/6/2022, bị đơn ông Trịnh Thanh H có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27/6/2022, vợ ông Trịnh Thanh H là bà Vũ Thị Thu P có văn bản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, trình bày: bà P không biết và không được ký văn bản nào liên quan đến việc ủy quyền đầu tư, cải tạo, trồng rừng giữa ông H và ông N; việc cấp sơ thẩm xét xử vụ án nhưng không đưa bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày: bản án của cấp sơ thẩm còn thiếu sót, chưa làm rõ được giá trị tài sản

nguyên đơn đã trồng, xây dựng trên đất và giá trị đóng góp của nguyên đơn đối với việc phát triển rừng trên diện tích 270ha; cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết, xét xử lại vụ án.

Luật sư Đỗ Thái H vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án, cụ thể - phiên tòa sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn mặc dù phía bị đơn đã có thông báo cho Tòa án về việc vắng mặt tại phiên tòa vì lý do bất khả kháng; chưa tiến hành xác minh, thẩm định trên đất và đánh giá thẩm tra xem thực tế trên đất có trồng rừng, làm đường và xây dựng các công trình khác không – định giá như thế nào; không triệu tập UBND huyện M là đơn vị cho thuê đất và bà Vũ Thị Thu P làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình nêu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) tuân thủ đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử quy định từ tại Điều 285 đến 292 BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung :

Cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng: không đưa UBND xã M ,UBND huyện M, vợ con ông Trịnh Thanh H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; không tiến hành thẩm định tại chỗ, chưa xác định mốc giới của diện tích đất 200ha ông N được ủy quyền; không hướng dẫn bị đơn về quyền phản tố; thu thập tài liệu – chứng cứ không đầy đủ, chưa làm rõ được số tiền 2 bên đã giao – nhận là bao nhiêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự, hủy Bản án số 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Trịnh Thanh H trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 23/5/2016, UBND huyện M ban hành quyết định số 1057/QĐ – UBND, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thuê 718,71ha tại khu X xã M để đầu tư, cải tạo và trồng rừng trong thời hạn 50 năm. Ngày 24/01/2018, ông H ký hợp đồng ủy quyền Hà Công N để ông N thay mặt ông H tiếp tục thực hiện Quyết định 1057; thực hiện các công việc nhằm giải phóng mặt bằng, xin cấp GCNQSDĐ; kê khai, nộp các loại thuế theo quyết định. Ngày 19/5/2020, ông H và ông N tiếp tục ký hợp đồng ủy quyền, thời hạn theo GCNQSDĐ, nội dung: ông H ủy quyền để ông N thay mặt ông H tiếp tục thực hiện Quyết định 1057 trên diện tích 200ha.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H cho rằng ông N đã vi phạm nghĩa vụ của bên được ủy quyền khi tự ý xây dựng một số công trình kiên cố trên đất mà chưa được sự nhất trí của ông H, không đảm bảo tiến độ trồng rừng theo thỏa thuận. Do vậy, đến ngày 17/5/2021, ông H có thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng ngày 19/5/2020 đối với ông N.

Ngày 08/7/2021, ông N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020 và bồi thường thiệt hại cho ông N. Ngày 28/7/2021, ông N có đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Xét kháng cáo của bị đơn Trịnh Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án. Cụ thể:

- Về tố tụng:

+ Cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng: ngày 19/5/2020, ông H ký kết hợp đồng ủy quyền cho ông N đại diện cho ông H thực hiện các công việc nhằm đầu tư, cải tạo và trồng rừng tại đồi X. Tuy nhiên, quyền sử dụng 718,71 ha đất rừng đồi X là tài sản thuộc sở hữu chung của ông H và vợ là bà Vũ Thị Thu P (đã đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2004). Việc ký kết hợp đồng cần có sự tham gia có mặt của bà Phương. Cấp sơ thẩm không đưa bà P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót. Mặt khác, UBND huyện M là đơn vị cho thuê đất, UBND xã M là cơ quan địa phương quản lý đất nhưng cũng không được tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhằm làm sáng tỏ vụ án là vi phạm nghiêm trọng.

+ Phiên tòa sơ thẩm đã vi phạm quy định về xét xử vắng mặt: ngày 24/3/2022, cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án. Trước đó, ông Đỗ Khắc D – người được bị đơn Trịnh Thanh H ủy quyền tham gia tố tụng đã có thông báo cho thẩm phán chủ tọa phiên tòa về việc không thể tham gia xét xử sơ thẩm vì lý do bất khả kháng (phải cách ly do covid – 19). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không hoãn phiên tòa theo quy định, mà vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn cùng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là vi phạm quy định tại khoản 3 điều 296 BLTTDS, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- *Về nội dung:*

+ Việc thu thập tài liệu, chứng cứ còn nhiều thiếu sót; không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; không khách quan trong đánh giá chứng cứ. Cụ thể:

Ông N trình bày, trên diện tích đất 200ha đã được ủy quyền tại hợp đồng ngày 19/5/2020: ông đã xây dựng 03 khu nhà tạm để cho người trồng rừng ở và làm vườn ươm cây giống; xây dựng 01 nhà sàn đã trồng mới được 270 ha cây keo, làm mới được 21 km đường lên đồi; trên đất còn có nhà sàn, chuồng bò sữa do ông xây dựng từ năm 2016. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác minh cụ thể những tài sản trên đất là gì, có giá trị như thế nào, lời khai của ông N có căn cứ hay không.

Ông H khẳng định: ông N chưa thực hiện dự án theo đúng nội dung ủy quyền, tự ý xây dựng các công trình không phục vụ mục đích trồng rừng trên diện tích đất của ông H đã thuê như cổng vào kiên cố, tường bao, khu thờ tự tâm linh. Tuy nhiên, ông N cho rằng ông vẫn đang thực hiện dự án trồng rừng theo ủy quyền của ông Hân, diện tích rừng ông N đã trồng mới là 270ha. Song, cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định tại chỗ để xác định rõ việc ông H trồng rừng trên diện tích bao nhiêu ha, có đúng vị trí được ủy quyền hay không, tiến độ trồng rừng đã đến giai đoạn nào... là chưa đầy đủ.

Ngày 15/01/2021, UBND xã M đã có thông báo số 05/TB - UBND đề nghị chủ đầu tư (ông H) dừng xây dựng công trình trên dự án đất trồng rừng. Tại biên bản họp ngày 19/3/2021, phòng Tài nguyên môi trường huyện M và các cơ quan liên quan đã kết luận dự án trồng rừng tại khu đồi X triển khai chậm, không hiệu quả. Song, cấp sơ thẩm nhận định: có cơ sở để cơ quan chức năng công nhận việc xây dựng của ông N là để phục vụ cho việc bảo vệ phát triển rừng là thiếu khách quan.

+ Các nội dung quan trọng trong vụ án chưa được làm rõ

Tại biên bản đối chất ngày 14/01/2022, ông H khai đã đưa ông N tổng số tiền 2.700.000.000 đồng; nhưng ông N cho rằng mới nhận được 2.093.000.000 đồng là tiền chi phí thực hiện các hợp đồng từ năm 2014 đến nay. Cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tổng số tiền mình đã giao – nhận, không làm rõ được vấn đề này.

Cấp sơ thẩm chưa làm rõ được mốc giới diện tích 200ha ông N được ông H ủy quyền, chưa làm rõ được diện tích rừng thực tế ông N đã trồng được là bao nhiêu. Quá trình giải quyết vụ án, ông N khai đã trồng được 270ha cây keo, tuy nhiên tại công văn số 48/UBND – ĐCXD ngày 22/3/2021 về việc thực hiện dự án trồng rừng khu đồi X, UBND xã M nêu: “phía dự án báo cáo đã triển khai trồng rừng với tổng diện tích gần 200ha. Qua kiểm tra thực tế diện tích rừng đã trồng tỉ lệ sống khoảng 20% (40ha), tuy nhiên cây phát triển chậm, còi cọc”. Lời khai của ông N không đúng với báo cáo thực tế của UBND xã M nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định để xác định diện tích trồng rừng trên thực tế là chưa đầy đủ.

+ Không đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện khi nguyên đơn đã rút yêu cầu

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2021, ông N nêu 02 yêu cầu khởi kiện là: đề nghị Tòa án là buộc ông H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2020 và bồi thường thiệt hại cho ông N. Đến ngày 28/7/2021, ông N có đơn xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nhưng, cấp sơ thẩm không đình chỉ việc giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa triệt để.

Như vậy, cấp sơ thẩm đã có sai sót: vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc điều tra, xác minh chưa đầy đủ, chưa xem xét thẩm định định giá tài sản.

Những sai sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trịnh Thanh H, hủy bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình.

3. Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị đơn được chấp nhận, nên ông Trịnh Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều vào khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Thanh H. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hòa Bình, giữa: nguyên đơn Hà Công N với bị đơn Trịnh Thanh H .

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện M , tỉnh Hòa Bình giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Trả lại ông Trịnh Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000431 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M ngày 22/4/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: 04/7/2022

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND huyện M
- VKSND huyện M
- Chi cục THADSH huyện M
- Các đương sự; Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lý Thị Đoàn